

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v tranh chấp về xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 01/2024/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu dân cư Vân Ô, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu dân cư K, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2008 chị kết hôn với anh Nguyễn Đức N ở cùng thôn và anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/8/2009. Trong cuộc sống anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng mâu thuẫn nên đến đầu năm 2020 chị mang con là cháu D bỏ đi

đến thành phố Hà Nội để làm ăn, không cho anh N biết, chị và anh N không liên lạc, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Trong thời gian chị sinh sống tại thành phố Hà Nội, chị gặp anh Phạm Văn T đã nảy sinh tình cảm và lỡ quan hệ với nhau dẫn đến chị có thai. Sau khi có bầu, chị đã về Hải Phòng làm việc và sinh sống tại Hải Phòng. Và ngày 24/4/2021, chị đã sinh con tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng; khi đó chị có thông báo cho anh T biết và anh chị thống nhất dự đặt tên con là Phạm Ngọc H1 và đã khai trong Giấy chứng sinh là Phạm Ngọc H1. Sau khi sinh cháu H1, chị sinh sống tại thành phố Hải Phòng khoảng 06 tháng rồi lại đến thành phố Hà Nội sinh sống. Từ khi chị mang bầu và sinh cháu H1, chị không thông báo cho anh N biết. Đến tháng 3 năm 2023, chị làm đơn khởi kiện ly hôn anh N và chị cũng không cho anh N biết chị đã có con riêng với người khác và Tòa án cũng không giải quyết về việc nuôi con đối với cháu H1; ngày 29/5/2023, Tòa án đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2023/QĐST-HNGĐ giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Đức N. Sau khi ly hôn với anh N xong, chị đi làm thủ tục khai sinh cho cháu H1 và chị thống nhất với anh T dự kiến đặt tên cháu là Phạm Gia H, chị có khai báo họ tên cha của cháu là Phạm Văn T thì Chính quyền địa phương yêu cầu phải có căn cứ xác định cha con thì địa phương mới đăng ký khai sinh theo đề nghị của chị được. Do vậy, chị đã làm đơn khởi kiện đề nghị xác định cha con cho cháu H1. Chị xác định cháu Phạm Gia H không có quan hệ huyết thống với anh Nguyễn Đức N mà cháu có quan hệ là con của anh Phạm Văn T. Về vấn đề cấp dưỡng cho con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí giám định: Chị tự nguyện chịu cả chi phí giám định ADN.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày: Anh có quen biết chị Nguyễn Thị H từ đầu năm 2020 tại Hà Nội, sau khi gặp gỡ nói chuyện, giữa anh chị nảy sinh tình cảm, khi đó anh chị đều không biết hai bên đã có gia đình và sau đó anh chị lỡ quan hệ với nhau dẫn đến chị H có thai. Sau đó anh chị mới nói rõ cho nhau biết là đã đều có gia đình riêng, chị H xác định đã ly thân chồng từ lâu và đang sống một mình ở Hà Nội. Sau đó, chị H đã chuyển về Hải Phòng làm việc. Đến ngày 24/4/2021, chị H đã sinh con tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng và có thông báo cho anh biết; anh dự định đặt tên con là Phạm Ngọc H1. Sau khi sinh cháu H1, anh có đến thăm chị H một vài lần và thỉnh thoảng anh có cấp dưỡng cho cháu. Anh được biết hiện chị H đã ly hôn anh N nhưng vẫn chưa đăng ký khai sinh cho cháu H1 được. Anh xác định anh là bố của cháu H1, anh và chị H dự kiến đặt tên cháu là Phạm Gia H theo họ của anh. Chị H khởi kiện đề nghị Tòa án xác định cha con cho cháu H1, anh xác định cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 24/4/2021 trong Giấy chứng sinh ngày 24/4/2021 của Bệnh viện phụ sản, Sở Y tế Hải Phòng; dự định khai sinh là Phạm Gia H; nơi cư trú: Khu dân cư K, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương là con của anh với chị H nên anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Xác minh tại chính quyền địa phương, phường A, thị xã Kinh Môn cung cấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức N đều có địa chỉ tại khu dân cư K, phường A đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A) vào ngày 16/7/2008. Trong quá trình chung sống chị H thường xuyên đi làm xa. Anh chị có 01 con chung đăng ký khai sinh tại phường là cháu Nguyễn Đức D sinh ngày 20/8/2009; chị H đi làm xa có sinh 01 cháu vào năm 2021 nhưng chưa thực hiện đăng ký khai sinh tại địa phương. Năm 2023, anh N chị H đã giải quyết ly hôn tại Toà án và Toà án xác định anh chị chỉ có 01 con chung và giao cho chị H trực tiếp nuôi con. Nay chị H xác định có 01 con riêng với anh Phạm Văn T là cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 24/4/2021 và đề nghị Toà án xác định cha cho cháu H1 là anh Phạm Văn T. Địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Đức N có đăng ký hộ khẩu, có nơi cư trú tại địa phương và anh N là con của ông Nguyễn Đức V.

Người làm chứng là ông Nguyễn Đức V trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Đức N; anh N có kết hôn với chị H vào năm 2008. Đến năm 2009, anh chị sinh được 01 cháu là Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/8/2009. Khoảng năm 2016, chị H bỏ đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình chồng con. Đến năm 2023, chị H và anh N ly hôn, Toà án giao cháu D cho chị H nuôi. Ông xác định anh N và chị H chỉ có 01 con chung là cháu D. Ông đã nhận được một số văn bản tài liệu giấy tờ của Toà án gửi anh N, ông đã thông báo và giao cho anh N nhưng anh N bận công việc không về làm việc được với Toà án. Nay chị H đề nghị Toà án xác định cháu Phạm Ngọc H1, sinh năm 2021 có cha không phải là anh N, ông xác định anh N và chị H không có con chung nào khác ngoài cháu D. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định ADN số: 240506GL/GD-AND ngày 07 tháng 3 năm 2024, Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền kết luận: Anh Phạm Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1, độ tin cậy >99,9999%.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 88, 89, 91, 101 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cháu gái tên Phạm Ngọc H1 sinh ngày 24/4/2021 trong giấy chứng sinh số 003339 ngày 24/4/2021 của Bệnh viện phụ sản thành phố Hải Phòng là con đẻ của anh Phạm Văn T, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khu dân cư Văn Ổ, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Về chi phí giám định: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu

chi phí giám định nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp về xác định cha cho con đối với bị đơn anh Phạm Văn T có địa chỉ tại khu dân cư Vân Ổ, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 101 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức N. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức N có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Kinh Môn (nay là phường A, thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương vào ngày 16/7/2008. Trong thời gian chị sống ly thân anh Nguyễn Đức N, chị có quan hệ tình cảm với anh Phạm Văn T; sau đó chị đã sinh một con theo Giấy chứng sinh số 003339, quyền số 34/2021 ngày 24/4/2021 của Bệnh viện phụ sản, Sở Y tế Hải Phòng với thông tin: Họ tên mẹ/Người nuôi dưỡng: Nguyễn Thị H; năm sinh 1990; nơi đăng ký thường trú: Kim Xuyên, A, thị xã Kinh Môn, Hải Dương; Thẻ căn cước số: 03019000xxx; họ và tên cha: Phạm Văn T; đã sinh con vào lúc 05 giờ 25 phút ngày 24 tháng 4 năm 2021 tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng; số con sinh trong lần này: Một con; Giới tính của con: Nữ; dự định đặt tên con là: Phạm Ngọc H1; tuy nhiên đến ngày 29/5/2023, chị và anh Nguyễn Đức N ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, khi đó Tòa án chỉ xác định về con chung: Giao con chung Nguyễn Đức D, sinh ngày 20/8/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Còn con gái chị sinh ngày 24/4/2021 dự kiến đặt tên là Phạm Ngọc H1 theo Giấy chứng sinh nêu trên được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Đức N chưa được giải quyết. Tại Bản kết luận giám định ADN số: 240506GL/GĐ-ADN ngày 07 tháng 3 năm 2024, Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền kết luận: Anh Phạm Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1, độ tin

cậy >99,9999%. Anh Phạm Văn T cũng thừa nhận người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1 là con của mình; còn anh Nguyễn Đức N không có ý kiến, quan điểm gì. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Phạm Văn T là bố đẻ của người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1 sinh ngày 24/4/2021 theo Giấy chứng sinh số 003339, quyển số 34/2021 ngày 24/4/2021 của Bệnh viện phụ sản, Sở Y tế Hải Phòng nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H xác định người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1 không phải là con đẻ của anh Nguyễn Đức N mà là con đẻ của anh Phạm Văn T là phù hợp với quy định tại các điều 88, 89, 90, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả chi phí giám định AND và đã nộp đủ nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên nên được miễn án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuy nhiên tại thời điểm khởi kiện chị không có đơn đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí nên không được xét miễn, giảm tạm ứng án phí là phù hợp với các điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do vậy, HĐXX cần trả lại cho chị số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 88, 89, 90, 91, 101 và 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định anh Phạm Văn T sinh năm 1986, địa chỉ: Khu dân cư Vân Ô, phường A, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (căn cước công dân số: 030086005046) là bố (cha) đẻ của người có tên dự kiến Phạm Ngọc H1 sinh ngày 24/4/2021 theo Giấy chứng sinh số 003339, quyển số 34/2021 ngày 24/4/2021 của Bệnh viện phụ sản, Sở Y tế Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị H. Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000082 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;
- UBND phường A, thị xã Kinh Môn để ghi chú vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi